

BỘ TÀI CHÍNH

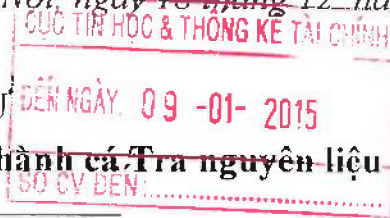
Số: 198/2014/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn phương pháp tính giá thành cá Tra nguyên liệu



Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra (sau đây gọi tắt Nghị định số 36/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về phương pháp tính giá thành cá Tra nguyên liệu.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn phương pháp điều tra, xác định chi phí sản xuất, tính giá thành cá Tra nguyên liệu của các vụ sản xuất trong điều kiện sản xuất bình thường không có thiên tai, dịch bệnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sản xuất, kinh doanh cá Tra nguyên liệu tại Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc xác định chi phí sản xuất, tính giá thành cá Tra nguyên liệu thực tế.

Thực hiện điều tra, khảo sát và tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát để xác định chi phí sản xuất, tính giá thành cá Tra nguyên liệu thực tế phải dựa trên những nguyên tắc sau:

1. Trình độ và điều kiện sản xuất, cụ thể là quy mô sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện cung ứng vật tư; số lượng, trình độ lao động; những khó khăn, thuận lợi trong quá trình sản xuất sản phẩm;

2. Bảo đảm tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất thực tế của các cơ sở nuôi cá Tra; phù hợp với các chế độ chính sách, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật cá Tra thì căn cứ vào các chi phí thực tế hợp lý phát sinh để điều tra, tính toán;

3. Tài liệu ghi chép, phỏng vấn, điều tra, xác minh trực tiếp từ cơ sở nuôi

và người lao động;

4. Số liệu thống kê tối đa trong 03 năm liền kề;

5. Giá thị trường tại thời điểm hoặc gần nhất với thời điểm cần xác định chi phí sản xuất và tính giá thành cá Tra nguyên liệu.

6. Chi phí sản xuất quy về cho một hecta (đồng/ha mặt nước nuôi). Mỗi khoản mục chi phí sản xuất để tính giá thành cá Tra nguyên liệu phải được phân tích, xác định rõ về số lượng, giá trị, thời gian và địa điểm chi ra.

7. Đơn vị tính năng suất cá Tra nguyên liệu thống nhất tấn/ha mặt nước nuôi.

8. Đơn vị tính giá thành cá Tra nguyên liệu là đồng (VNĐ) cho một kg (đồng/kg) và được xác định tại nơi sản xuất.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phương pháp điều tra, khảo sát và tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát

1. Phương pháp điều tra, khảo sát

a) Áp dụng phương pháp chọn mẫu điển hình suy rộng để chọn đối tượng khảo sát, cụ thể:

Chọn vùng (hoặc địa bàn) khảo sát trong tỉnh: gồm tối thiểu 3 huyện/tỉnh

Chọn vùng (hoặc địa bàn) khảo sát trong huyện: gồm tối thiểu 3 xã/huyện.

Việc chọn các vùng khảo sát trên phải bảo đảm tiêu chí chung do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn đại diện cho ba vùng thực tế có nuôi cá Tra, gồm: vùng có điều kiện nuôi thuận lợi, vùng có điều kiện nuôi trung bình, vùng có điều kiện nuôi khó khăn.

Chọn đối tượng khảo sát là cơ sở nuôi cá Tra thuộc vùng khảo sát thuộc địa bàn xã được lựa chọn nói trên để khảo sát thu thập số liệu. Mỗi địa bàn xã cần chọn tối thiểu 10 cơ sở nuôi cá Tra theo tiêu chí do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn đại diện cho ba nhóm cơ sở nuôi cá Tra (mỗi nhóm chiếm khoảng 33% của tổng số cơ sở nuôi được lựa chọn): gồm nhóm cơ sở nuôi cá Tra có năng suất cao, nhóm cơ sở nuôi cá Tra có năng suất trung bình và nhóm cơ sở nuôi cá Tra có năng suất dưới trung bình, có kết hợp với các tiêu chí về chất lượng cá Tra.

Đối với các địa phương không có tối thiểu 03 huyện/tỉnh, 03 xã/huyện và tối thiểu 10 cơ sở nuôi cá Tra trên mỗi địa bàn xã thì điều tra, khảo sát tổng thể số cơ sở nuôi cá Tra thực tế trên địa bàn.

b) Áp dụng phương pháp tổng hợp số liệu ghi chép ban đầu, phương pháp phỏng vấn hồi tưởng của cơ sở nuôi kết hợp với xác minh thực tế điều kiện sản xuất kinh doanh, tình hình thị trường và đối chiếu với các định mức kinh tế - kỹ thuật trong vùng (hoặc địa bàn) khảo sát theo quy định (nếu có).

c) Áp dụng phương pháp so sánh, đối chiếu: So sánh, đối chiếu kết quả điều tra thực tế với các số liệu thống kê, giá thị trường tại thời điểm hoặc gần nhất với thời điểm cần xác định chi phí sản xuất và tính giá thành cá Tra.

Trường hợp chi phí vật chất, công lao động có giá thị trường thì lấy theo giá thị trường. Nếu không xác định được giá thị trường thì lấy giá trung bình

giữa số liệu thống kê tối đa 3 năm liền kề trước và giá bình quân của các cơ sở nuôi được điều tra, phỏng vấn cung cấp.

2. Phương pháp tổng hợp số liệu

a) Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát trong một xã

- Tổng hợp chi phí sản xuất: Cộng dồn từng yếu tố chi phí đã chi ra cho sản xuất cá Tra của tất cả các cơ sở nuôi được điều tra thành mức tổng chi phí sản xuất sau đó chia (:) cho tổng diện tích cộng dồn của các cơ sở nuôi được điều tra tương ứng để tìm mức chi phí sản xuất bình quân của từng yếu tố chi phí và tổng mức chi phí chung tính cho mỗi hecta nuôi cá Tra.

- Tổng hợp giá thành một đơn vị sản phẩm: Cộng dồn sản lượng cá Tra nguyên liệu của tất cả các cơ sở nuôi được điều tra thành mức tổng sản lượng sau đó chia (:) cho tổng diện tích cộng dồn của các cơ sở nuôi được điều tra tương ứng để tìm ra mức năng suất bình quân chung cho một hecta. Sau đó lấy chi phí sản xuất bình quân của một hecta chia (:) cho năng suất bình quân một hecta để tìm ra giá thành bình quân cho một kilôgam cá Tra nguyên liệu.

b) Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát trong một huyện

- Tổng hợp chi phí sản xuất: Lấy kết quả tính toán chi phí sản xuất bình quân của từng xã cộng lại chia cho số xã khảo sát (từng yếu tố chi phí và tổng mức chi phí cho một hecta).

- Tổng hợp giá thành một đơn vị sản phẩm: Lấy kết quả tính toán giá thành sản phẩm bình quân của từng xã cộng lại chia bình quân.

c) Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát trong một tỉnh

- Tổng hợp chi phí sản xuất: Lấy kết quả tính toán chi phí sản xuất bình quân của từng huyện cộng lại chia số huyện khảo sát (từng yếu tố chi phí và tổng mức chi phí cho một hecta).

- Tổng hợp giá thành một đơn vị sản phẩm: Lấy kết quả tính toán giá thành sản phẩm bình quân của từng huyện cộng lại chia bình quân.

d) Đối với các địa phương không có tối thiểu 03 huyện/tỉnh, 03 xã/huyện, tối thiểu 10 cơ sở nuôi cá Tra trên mỗi địa bàn xã thì tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát như sau:

- Tổng hợp chi phí sản xuất: Lấy kết quả tính toán chi phí sản xuất bình quân của toàn địa bàn cộng lại chia số địa bàn khảo sát (từng yếu tố chi phí và tổng mức chi phí cho một hecta).

- Tổng hợp giá thành một đơn vị sản phẩm: Lấy kết quả tính toán giá thành sản phẩm bình quân của từng địa bàn cộng lại chia bình quân.

Điều 5. Tính năng suất thực tế thu hoạch và chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu

1. Năng suất thu hoạch thực tế

Năng suất thu hoạch cá Tra nguyên liệu thực tế được xác định như sau:

$$\text{Năng suất thực tế thu hoạch cá Tra nguyên liệu (W)} = \frac{\text{Sản lượng thực tế thu hoạch cá Tra nguyên liệu (Q)}}{\text{Diện tích thực tế thu hoạch cá Tra nguyên liệu (S)}}$$

Khi tính năng suất thực tế thu hoạch cá Tra nguyên liệu cần tập hợp từ sổ sách ghi chép và phỏng vấn trực tiếp cơ sở sản xuất; kết hợp xem xét số liệu thống kê về năng suất các vụ liên kế của cơ quan thống kê và xem xét mối quan hệ giữa suất đầu tư với năng suất cá Tra với định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định (nếu có) và kinh nghiệm theo dõi thực tế nhiều năm của các cơ quan nông nghiệp, thống kê...

2. Tính chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu

Chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu được xác định theo yếu tố chi phí như bảng sau:

Bảng 1. Bảng tính chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu
I	Chi phí vật chất	C_{VC}
1	Chi phí cá Tra giống	
2	Chi phí thức ăn	
3	Chi phí thuốc, hóa chất	
4	Chi phí cải tạo ao	
5	Chi phí thuê ao (nếu có)	
6	Chi phí khấu hao TSCĐ	
7	Chi phí thu hoạch	
8	Chi phí lãi vay ngân hàng	
9	Chi phí khác (nếu có)	
II	Chi phí lao động	C_{LD}
III	Các khoản được hỗ trợ (nếu có)	HT
	Tổng chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu (C_{VC}+C_{LD}) – HT	TC

Nội dung từng khoản chi phí trên được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

a) Chi phí vật chất (C_{VC}) là toàn bộ chi phí vật chất thực tế, hợp lý phát sinh trong một vụ sản xuất bao gồm chi phí cá Tra giống, chi phí thức ăn, chi phí thuốc, hóa chất, chi phí cải tạo ao, chi phí thuê ao (nếu có), chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thu hoạch, chi phí lãi vay ngân hàng, chi phí khác (nếu có). Cách xác định như sau:

- Chi phí cá Tra giống

Chi phí cá Tra giống là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh mà cơ sở nuôi cá Tra đã chi ra để mua cá Tra giống:

$$\text{Chi phí cá Tra giống} = \text{Số lượng cá Tra giống} \times \text{Đơn giá cá Tra giống}$$

Trong đó:

+ Số lượng cá Tra giống: được xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định (nếu có). Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật tính theo thực tế cơ sở nuôi phát sinh.

+ Đơn giá cá Tra giống: Tùy loại giống theo tiêu chuẩn quy định (nếu có) được nuôi được xác định theo nguyên tắc phải phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua bao gồm: giá mua thực tế của các cơ sở sản xuất giống; thông báo giá của các Công ty giống đang sản xuất, kinh doanh trên địa bàn địa phương; giá mua trên thị trường và tính thêm chi phí vận chuyển về các cơ sở nuôi cá Tra (nếu có).

Trường hợp cơ sở nuôi tự sản xuất giống thì tính theo giá thị trường hoặc giá mua bán lẫn nhau của các cơ sở sản xuất.

- Chi phí thức ăn

Chi phí thức ăn là toàn bộ chi phí thức ăn thực tế phát sinh mà cơ sở nuôi cá Tra đã chi ra để mua thức ăn từ khi thả cá đến khi thu hoạch cá.

$$\text{Chi phí thức ăn} = \text{Số lượng thức ăn} \times \text{Đơn giá thức ăn}$$

Trong đó:

+ Số lượng thức ăn được xác định tổng hợp qua chứng từ, hóa đơn, giấy biên nhận khi cơ sở nuôi mua, thông qua ghi chép vào sổ sách theo dõi hoặc thông qua hồi tưởng của cơ sở nuôi tại thời điểm đầu tư.

+ Đơn giá thức ăn được xác định theo giá thực mua phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua và chi phí vận chuyển về cơ sở nuôi cá (nếu có).

+ Chất lượng thức ăn theo tiêu chuẩn quy định (nếu có). Trường hợp chưa có tiêu chuẩn theo thực tế phát sinh của cơ sở nuôi.

- Chi phí thuốc, hóa chất

Chi phí thuốc, hóa chất được xác định trên cơ sở số lượng thuốc, hóa chất và đơn giá thuốc, hóa chất

$$\begin{array}{ccc} \text{Chi phí thuốc,} & = & \text{Số lượng thuốc,} \\ \text{hóa chất} & & \text{hóa chất} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Đơn giá thuốc, hóa} \\ \text{chất} \end{array}$$

Trong đó:

+ Số lượng thuốc, hóa chất được xác định tổng hợp qua sổ sách ghi chép, chứng từ, hóa đơn, giấy biên nhận khi cơ sở nuôi mua, thông qua ghi chép vào sổ sách theo dõi hoặc thông qua hồi tưởng của cơ sở nuôi tại thời điểm đầu tư.

+ Đơn giá thuốc, hóa chất được xác định theo giá thực mua phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua và tính thêm chi phí vận chuyển về các cơ sở nuôi cá (nếu có).

- Chi phí cải tạo ao

Chi phí cải tạo ao là toàn bộ chi phí thực tế, hợp lý phát sinh mà cơ sở nuôi cá đã chi ra để cải tạo, nâng cao chất lượng ao trong một vụ nuôi cá Tra